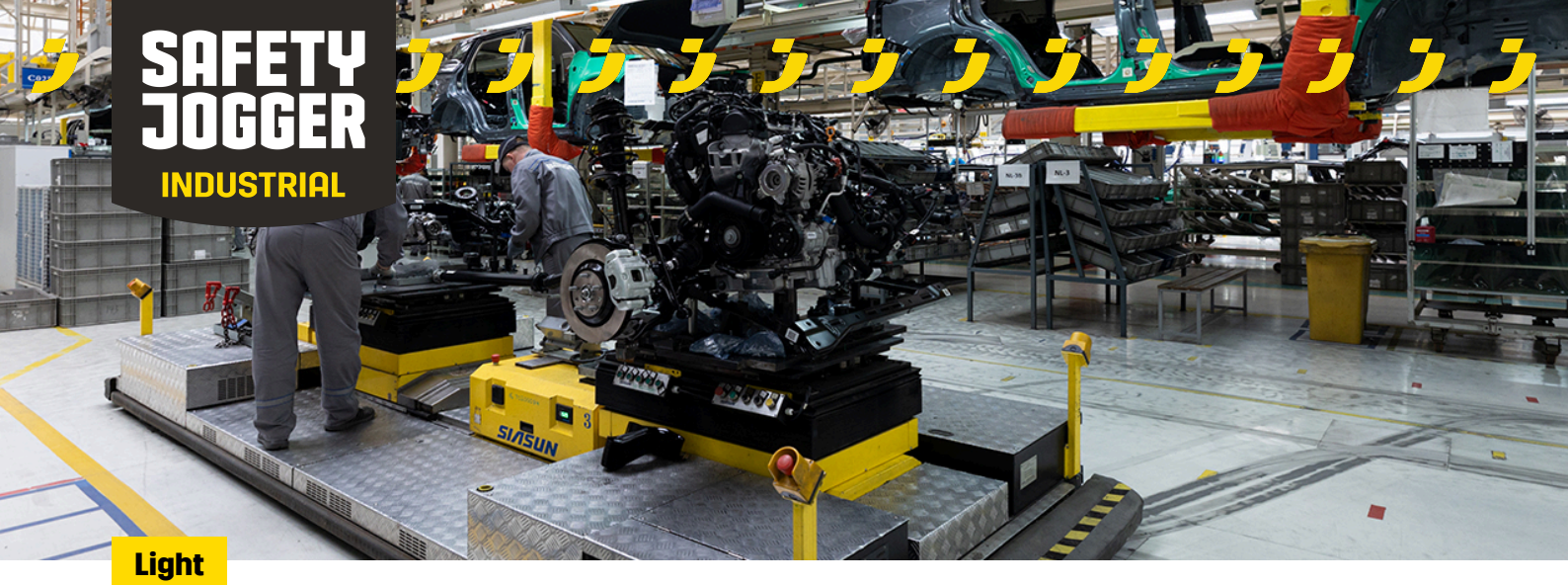


SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

ORGANIC S1P LOW

ORGANICS1P

Giày đư ợc chứ n g nhận **ESD,**
ch ố run ợg **và an toàn cao,** vừa vặp hụ nữ ớ
Đ ư ế đ ể t k **dành cho** phụ nữ **làm** việ c **trong ngành** hấp
ráp, ô tô và công n ghiệ p nh ẹ , **giày an toàn S1P này có**
mũi giày và đế g thép, khả **năng** chư ố ợt g t, tuân thủ **ESD và**
đư ợc chứ n g nhận **là có** th ể **bám vào thang. Mũi giày an**
toàn b è n bỉ **giúp** ch ố n g **mài mòn** và **tác động** đảm bảo hiệu s

Những vật liệu cao cấp mang lại, D	Da l
ót bên trong	i tái chế lưới
rong Đ	ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SR, SC, LG, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-43
ng lượng t **thép**	0.505 kg
ẩn **hiệu** chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



813

Tay nắm bậc **thang (LG)**
Đường viền được **xác** định đặc
bi **giày** ng **tăng** thêm độ
an toàn khi đứng **trên** thang.

& nhiên
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.

đế **ngoài không đánh** dấ
ế ngoài không để lại vết trên mặt đất

ợt **(SR)** Chống t
đây SRA/SRB/SRC: SR có nghĩa là phép thử
ợc thực hiện **tiêu** và **dầu**

Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá **chắc chắn** hoặc

thép
đâm thủng được **làm** bằng **thép**
không và ngăn các xâm
nhập từ đế **ngoài.**

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Xây dự n g, Ngành công n g hiệp , hậ

ường: **Môi** t

rư ờn g ẩm, môi khô, Bề mặt cự c mị n ờn, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t ới giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩm phù hợp để giữ cho giày trông lâu hơn.

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết quả	đơn vị đo lường
Nhữ n g vật liệu, Da l cao cấp h ơn				
	Top: khả năng thấm nước	? 0.8	3.3	mg/cm/giờ
	Top: hi nước số ơ	? 15	27.3	mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế			
	L ớp lót: thấm nước	? 2	49.8	mg/cm/giờ
	lót: hi nước số ơ	? 20	398.8	mg/cm2
rong	Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)			
	ệ m chân: Ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đ PU / PU			
	Ch ố n g trượt: mài mòn ế ngoài (	? 150	135.4	mm
	Chư ố ợt trơ gỗ bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.39	ma sát
	rư Cột cố ợt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.38	ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.26	ma sát
	Chư ố ợt trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.29	ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	200	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	21.2	megaohm
	Hấp thụ năng l ượng gót chân củ	? 20	25	J
Đ ứ n g đầu	Thép			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	19.5	mm

kích thước thép: 38

a chúng tôi. Giày bảo hộ có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ết quả	đơn vị đo lường
i CO# hát thả			
	V ật l iệu	6.10	kg
	Bao bì	0.12	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		8.38 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết quả	K
ệ vật l Tiệ ỷ tái ch ế			
	Product	9%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:

rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] có thể thay đổi.